

Bản án số: 672/2024/DS-PT

Ngày: 22 - 8 - 2024

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Từ

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2023/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1852/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị B (đã chết)

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Ông Tô Quốc Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô Quốc Đ: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn:

1/Bà Tô Thị Viễn C, sinh năm 1981 (có mặt);

2/Ông Mai Thanh H, sinh năm 1977 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Tô Thị Tuyết T, sinh năm 1968 (tên trong hộ chiếu: Ngo Kim H1, số hộ chiếu: 508134383) (vắng mặt);

Địa chỉ: A D, CT J, NC.27282, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2:

- Bà Nguyễn Hải Đăng Q, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số H Đ, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

- Ông Tô Quốc Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

2/Ông Tô Thiện T1, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

3/Bà Tô Thị Tuyết T2, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

4/Bà Tô Thị Tuyết K, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

5/Ông Tô Quốc T3, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà T2, bà K, ông T3: Ông Tô Quốc Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

6/Ông Tô Quốc Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Ông Tô Quốc Đ (Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của ông Tô Quốc Đ trình bày:

Cụ Nguyễn Thị B (chết năm 2021) và Cụ Tô Văn K1 (chết năm 2018) có 07 người con chung gồm: Bà Tô Thị Tuyết T, sinh năm 1968 (tên trong hộ

chiếu: Ngo Kim H1, số hộ chiếu: 508134383); Ông Tô Thiện T1, sinh năm 1971; Bà Tô Thị Tuyết T2, sinh năm 1975; Bà Tô Thị Tuyết K, sinh năm 1976; Ông Tô Quốc T3, sinh năm 1978; Bà Tô Thị Viễn C, sinh năm 1981; Ông Tô Quốc Đ, sinh năm 1986.

Trước khi chết, cụ K1 và cụ B có lập Tờ di chúc đề ngày 09/10/2016, phân chia nhà cửa cho các con; riêng đối với thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có tổng diện tích đo đạc thực tế là 36.348,5m², cụ K1 và cụ B giao cho vợ chồng con gái là bà Tô Thị Viễn C và ông Mai Thanh H sử dụng để chăn nuôi bò, không được trồng cây lâu năm trên đất, không được mua bán, sang nhượng.

Sau khi cụ K1 chết, cụ B thực hiện việc đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên, nhưng bà C có đơn ngăn chặn gửi Ủy ban nhân dân xã P vì chưa thống nhất giải quyết tài sản trên đất do bà C đã đầu tư. Ủy ban nhân dân xã P có tổ chức hòa giải nhưng không thành. Do đó, cụ B khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế, chia tài sản chung đối với thửa đất nêu trên thành 07 kỷ phần cho các con chung của cụ K1 và cụ B, không hoàn trả giá trị các tài sản trên đất do vợ chồng bà C và ông H tự ý đầu tư.

Đang trong quá trình giải quyết vụ án, đến năm 2021 Cụ Nguyễn Thị B chết nên những người con của cụ B (trừ bà C) ủy quyền cho ông Tô Quốc Đ tiếp tục thực hiện việc khởi kiện, yêu cầu chia toàn bộ di sản của cha mẹ là cụ B và cụ K1, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận tại vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có tổng diện tích đo đạc thực tế là 36.348,5m², cho các anh chị em trong gia đình bao gồm 07 người. Ông Tô Quốc Đ có nhu cầu nhận bằng hiện vật và hoàn lại trị giá cho các đồng thừa kế.

Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về hàng thừa kế mà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày là đúng. Đối với Tờ di chúc lập ngày 09/10/2016, tuy có thể hiện ý nguyện của cụ K1 và cụ B nhưng không được công chứng, chứng thực hoặc có người làm chứng, nên di chúc này không hợp pháp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý. Vì trước đây, gia đình có hợp bàn tính giao đất cho ông Tô Thiện T1 canh tác nhưng ông T1 từ chối để đất bị hoang hóa, lấn chiếm; gia đình sau đó ép vợ chồng bà C và ông H nhận đất để quản lý. Như vậy, việc giao đất cho vợ chồng bà C đã có sự bàn bạc thống nhất trong gia đình. Nguyên đơn muốn chia thừa kế, hay đòi lại tài sản thì phải bồi hoàn giá trị mà bị đơn đã đầu tư trên đất là 2.270.000.000 đồng; Ngoài ra, còn chi phí thuê công người trông coi đất trong thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 9/2022 với số tiền 390.000.000 đồng, tổng cộng thành 2.660.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn thống nhất với kết quả định giá của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4, gồm: Giá trị quyền sử dụng đất là 3.016.189.260 đồng; Giá trị công trình trên đất (gồm nhà tạm, chuồng dê, chuồng bò) là 54.149.000 đồng; Giá trị cây trồng trên đất là 862.162.970 đồng. Bị đơn đề nghị chia toàn bộ di sản của cha mẹ là cụ B và cụ K1 là diện tích đất 36.348,5m² cho các đồng thừa kế, nhưng cần phải tính công sức bảo quản, giữ gìn di sản cho bị đơn và ai nhận di sản bằng hiện vật thì phải hoàn lại trị giá tài sản cho bị đơn. Bị đơn có nguyện vọng được nhận di sản bằng giá trị, không yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Tô Quốc Đ, Tô Quốc T3, Tô Thị Tuyết K, Tô Thị Tuyết T2, Tô Thiện T1, Tô Thị Tuyết T trình bày:

Nguyên thừa đất chưa được cấp giấy chứng nhận có diện tích khoảng 30.000m², nay được đo đạc thực tế là 36.348,5m² thuộc vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, là do cụ K1 và cụ B cho vợ chồng con gái là bà Tô Thị Viên C mượn sử dụng đất để chăn nuôi bò, không được trồng cây lâu năm trên đất. Tuy nhiên, vợ chồng bà C lại tự ý trồng thanh long, làm hồ chứa nước, đổ đất làm đường, sử dụng không đúng ý nguyện của cụ K1 và cụ B. Do đó, các ông bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phân chia tài sản thừa kế và tài sản chung, không đồng ý việc hoàn trả giá trị tài sản cho vợ chồng bà C và ông H.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/6/2021, tổng diện tích đất được Chi nhánh Văn phòng Đ1 đo đạc thực tế là 36.348,5m², trên đất có một phần diện tích trồng thanh long, một phần diện tích trồng lúa nước (được ký hiệu theo sơ đồ đo đạc ngày 24/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ1); 01 chuồng dê và 01 căn nhà tạm.

Tại Chứng thư thẩm định giá số 86/2021/CT-BTA ngày 24/9/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4, giá trị quyền sử dụng đất là 3.016.189.260 đồng; Giá trị công trình trên đất (gồm nhà tạm, chuồng dê, chuồng bò) là 54.149.000 đồng; Giá trị cây trồng trên đất là 862.162.970 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 3.932.501.000 đồng (ba tỷ chín trăm ba mươi hai triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng).

Tại văn bản số 695/UBND-NC ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B xác định diện tích đất 36.348,5m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc cấp giấy chứng nhận phải có sự thống nhất của những người thừa kế theo quy định pháp luật vì toàn bộ diện tích đất có nguồn gốc do hộ Cụ Tô Văn K1 và Cụ Nguyễn Thị B tạo lập trước năm 1975 và sử dụng ổn định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2023/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện:

1/Xác định người thừa kế theo pháp luật của Cụ Tô Văn K1 và Cụ Nguyễn Thị B gồm: Bà Tô Thị Tuyết T, sinh năm 1968 (tên trong hộ chiếu: Ngo Kim H1, số hộ chiếu: 508134383); Ông Tô Thiện T1, sinh năm 1971; Bà Tô Thị Tuyết T2, sinh năm 1975; Bà Tô Thị Tuyết K, sinh năm 1976; Ông Tô Quốc T3, sinh năm 1978; Bà Tô Thị Viễn C, sinh năm 1981; Ông Tô Quốc Đ, sinh năm 1986.

2/Xác định quyền sử dụng thửa đất có diện tích đo đạc thực 36.348,5m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận (có sơ đồ kèm theo), là di sản của cụ Tô Văn K1 và cụ Nguyễn Thị B.

3/Chia cho ông Tô Quốc Đ được quyền sử dụng đối với thửa đất có diện tích đo đạc thực tế 36.348,5m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Ông Tô Quốc Đ có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4/Buộc ông Tô Quốc Đ hoàn trả cho bà Tô Thị Viễn C và ông Mai Thanh H số tiền 1.605.727.000 đồng (một tỷ sáu trăm linh năm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng); trả cho bà Tô Thị Tuyết T, ông Tô Thiện T1, bà Tô Thị Tuyết T2, bà Tô Thị Tuyết K, ông Tô Quốc T3, mỗi người 387.796.000 đồng (ba trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/12/2023 ông Tô Quốc Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo ông Tô Quốc Đ (có bà Nguyễn Thị Kim L là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chia di sản thừa kế thành 07 phần, ông Đ được nhận 06 phần và hoàn trả giá trị 01 kỷ phần cho bà C; Yêu cầu vợ chồng bà C và ông H phải trả lại mặt bằng là đất trồng; Đề nghị định giá lại tài sản đang tranh chấp để làm cơ sở phân chia di sản thừa kế.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người có kháng cáo trình bày: Bản án sơ thẩm buộc ông Đ trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế, nhưng việc xác định giá trị không đúng quy định pháp luật vì chứng thư thẩm định giá đã hết hiệu lực tính đến ngày xét xử sơ thẩm, hiện nay đã có sự chênh lệch giá. Bà C, ông H được cha mẹ giao đất chăn nuôi bò, không được trồng cây lâu năm, nhưng bị đơn trồng cây là vượt quá phạm vi được giao nên phải bị đơn tự chịu đối với chi phí trồng cây trồng trên đất. Bản án sơ thẩm tính cho bị đơn 10% giá trị để tính công sức quản lý di sản cho bị đơn là không hợp lý vì quá trình quản lý, sử dụng bị đơn đã tự ý đầu tư cải tạo đất, đã hưởng thành quả, hoa lợi lợi tức

từ việc quản lý sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế thành 07 kỷ phần, ông Đ hưởng 06 kỷ phần, chỉ trả 01 kỷ phần cho bị đơn theo kết quả định giá mới, đề nghị thẩm định lại phần đất đang tranh chấp để làm cơ sở phân chia theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Tô Thị Viễn C, ông Mai Thanh H giữ nguyên nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không đồng ý yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm xác định tài sản tranh chấp là di sản thừa kế của cụ K1, bà B và chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bà C, ông H trực tiếp quản lý sử dụng đất từ năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức đóng góp của bị đơn tương đương 10% giá trị di sản thừa kế là có căn cứ. Do các đồng thừa kế thống nhất giao phần đất cho ông Đ, nên ông Đ trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đồng ý với giá trị trong chứng thư định giá. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng kết quả định giá là không đúng, nhưng ở cấp sơ thẩm ông Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh kết quả định giá không phù hợp, và không có ý kiến về kết quả định giá. Đối với nội dung kháng cáo của ông Đ yêu cầu được nhận đất trống là không có căn cứ, vì di chúc không được công nhận nên không thể căn cứ vào đây cho rằng bị đơn vượt quá phạm vi giao đất, khi bị đơn tạo lập tài sản trên đất thì nguyên đơn và anh, chị em không có ý kiến phản đối. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Tô Quốc Đ làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Cụ Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế, chia tài sản chung đối với thửa đất nêu trên thành 07 kỷ phần cho các con chung của cụ K1 và cụ B. Khi Tòa án đang thụ lý giải quyết thì năm 2021 cụ B chết.

Xét, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì người thừa kế của cụ B là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng. Cụ K1 và cụ B có 07 người con, nên người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ B gồm: Bà

Tô Thị Tuyết T, sinh năm 1968 (tên trong hộ chiếu: Ngo Kim H1, số hộ chiếu: 508134383); ông Tô Thiện T1, sinh năm 1971; bà Tô Thị Tuyết T2, sinh năm 1975; bà Tô Thị Tuyết K, sinh năm 1976; ông Tô Quốc T3, sinh năm 1978; bà Tô Thị Viễn C, sinh năm 1981; ông Tô Quốc Đ, sinh năm 1986. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định ông Đ là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ B là chưa đầy đủ. Tuy nhiên, những người thừa kế còn lại của cụ B (ngoại trừ ông Đ) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nên thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[3] Nguyên đơn xác định thửa đất có diện tích đo đạc là 36.348,5m² thuộc vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có nguồn gốc do cụ K1 và cụ B tạo lập nhưng đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ K1 chết vào năm 2018, cụ B có làm đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị bà C gửi đơn ngăn chặn, vì lý do chưa thống nhất giải quyết tài sản trên đất cho vợ chồng bà C và ông H.

Bị đơn bà C và ông H thừa nhận đất này có nguồn gốc từ cha mẹ là cụ K1 và cụ B, đến năm 2003 thì giao lại cho ông Tô Thiện T1 quản lý, sử dụng. Ông T1 để đất hoang hóa 11 năm, có một số diện tích bị người khác lấn chiếm. Năm 2014, gia đình họp bàn giao lại đất trên cho vợ chồng bà C, ông H quản lý. Vợ chồng bà C đã đầu tư, tạo lập một số tài sản trên đất. Những người thừa kế khác của cụ K1 và cụ B gồm: Bà Tô Thị Tuyết T (N), ông Tô Thiện T1, bà Tô Thị Tuyết T2, bà Tô Thị Tuyết K, ông Tô Quốc T3, ông Tô Quốc Đ cũng đều thừa nhận đây là tài sản của cụ K1 và cụ B tạo lập.

Căn cứ vào lời trình bày thống nhất của các bên đương sự có đủ căn cứ để xác định thửa đất có diện tích đo đạc là 36.348,5m² thuộc vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, là di sản của cụ K1 và cụ B. Hiện nay, vợ chồng bà C và ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ năm 2014, có đầu tư canh tác trồng cây ăn trái, hoa màu, dựng nhà tạm, chuồng trại trên đất.

[4] Xét, Tờ di chúc lập ngày 09/10/2016 có chữ ký thể hiện tên Tô Văn K1 và Nguyễn Thị B:

- Về hình thức: Di chúc không được công chứng, chứng thực, cũng không có chữ ký của người làm chứng.

- Nội dung tờ di chúc thể hiện: *“Phần đất bên hồ. Sau khi giải phóng xong, ba má đã bỏ ra rất nhiều chi phí để khai hoang phục hóa, đến lúc thành thực ba má đã hiến vào cho Nhà nước, chỉ còn thừa lại gần 30.000m² nằm lên phần đông thuộc vùng C (L) ba má canh tác gần 20 năm đến năm 2003 mới giao lại cho con, nhưng rồi bị số người phá không bảo quản nổi đành phải bỏ. Đến tháng 11 năm 2014 mới cho Mai Thanh H là rể, có nhiệm vụ phát dọn thêm từ ranh đất vào thẳng bên trong đồng, và hứa sẽ chăn nuôi bò, không có quyền trồng cây lâu năm trong đất. Vậy sau này, các con đũa nào có khả năng cứ qua để họp tác làm ăn với nhau. Nên cố gắng giữ lại đất của ông bà, không đũa nào có quyền bán, đổi hoặc sang nhượng”.*

Xét, nội dung trên không có ý chí giao lại quyền sử dụng đất là di sản thừa kế cho người khác, nên không đảm bảo các điều kiện để phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 655 và Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005 (thời điểm lập di chúc). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận hiệu lực Tờ di chúc này, và chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

[5] Tại đơn khởi kiện, các buổi hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tô Thị Tuyết T (N), ông Tô Thiện T1, bà Tô Thị Tuyết T2, bà Tô Thị Tuyết K, ông Tô Quốc T3, ông Tô Quốc Đ, đều thống nhất đề nghị chia thừa kế đôi với thửa đất trên, và giao lại quyền sử dụng đất cho ông Tô Quốc Đ. Bị đơn đồng ý chia toàn bộ di sản của cha mẹ (là cụ B và cụ K1) đôi với diện tích đất 36.348,5m² cho các đồng thừa kế, nhưng cần phải tính công sức bảo quản, giữ gìn di sản cho bị đơn và nếu ai nhận di sản bằng hiện vật thì bị đơn sẽ giao lại toàn bộ tài sản có trên đất, nhưng phải hoàn lại trị giá tài sản cho bị đơn theo giá Công ty thẩm định giá đã thẩm định. Bị đơn có nguyện vọng được nhận di sản bằng giá trị, không yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Xét, thửa đất có diện tích đo đạc là 36.348,5m² thuộc vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, là di sản của cụ K1 và cụ B. Từ năm 2014, bà C và ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này, do đó cần tính công sức bảo quản, gìn giữ di sản cho vợ chồng bà C theo điểm c khoản 1 Điều 618 Bộ luật dân sự năm 2015 và trích 10% giá trị di sản để thanh toán cho vợ chồng bà C và ông H, cụ thể: 10% x 3.016.189.260 đồng (giá trị quyền sử dụng 301.619.000 đồng).

Phần di sản còn lại có giá trị thành tiền là: 3.016.189.260 đồng - 301.619.000 đồng = 2.714.570.000 đồng (đã làm tròn số), được chia đều cho 07 người con gồm: Bà T (Ngo Kim H1), ông T1, bà T2, bà K, ông T3, ông Đ, bà C; mỗi người được hưởng giá trị tài sản là 387.796.000 đồng. Những người thừa kế của cụ K1 và cụ B đều thống nhất giao lại quyền sử dụng đất cho ông Tô Quốc Đ. Do đó, giao lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Đ và buộc ông Đ thanh toán giá trị tài sản cho những người thừa kế khác là có căn cứ.

[6] Bị đơn yêu cầu hoàn trả số tiền 2.660.000.000 đồng, bao gồm: Giá trị tài sản đã đầu tư là 2.270.000.000 đồng và chi phí thuê người trông coi với số tiền 390.000.000 đồng. Để chứng minh cho những chi phí này, bị đơn chỉ cung cấp được bảng kê chi tiết số tiền đầu tư do chính bà C lập, ngoài ra không có chứng cứ nào khác để chứng minh; Đối với yêu cầu bồi hoàn chi phí thuê người trông coi đất, thì bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Ngoài ra, tại Biên bản hòa giải tranh chấp liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, bà C có trình bày: *“Toàn bộ diện tích 3,8ha của Cụ Tô Văn K1 cho v/c (vợ chồng) tôi đầu tư, cải tạo, sản xuất từ năm 2014 ước tính kinh phí đầu tư khoảng 1 tỷ. Nếu gia đình cụ B hoàn trả toàn bộ kinh phí lại cho v/c tôi thì tôi không khiếu nại nữa”*. Như vậy, bị đơn không thống nhất trong việc kê khai chi phí đầu tư trên đất.

Bị đơn thống nhất với giá của Chứng thư thẩm định giá số 86/2021/CT-BTA ngày 24/9/2021 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4, giá trị tài sản trên đất là 916.311.970 đồng, gồm: Giá trị công trình trên đất là 54.149.000 đồng; Giá trị cây trồng trên đất là 862.162.970 đồng. Bị đơn yêu cầu nếu ai nhận di sản bằng hiện vật thì có trách nhiệm hoàn lại trị giá tài sản trên cho bị đơn. Xét, yêu cầu này của bị đơn là có căn cứ nên buộc ông Tô Quốc Đ là người nhận di sản, phải hoàn trả lại cho bị đơn trị giá tài sản đầu tư trên đất 916.312.000 đồng (đã làm tròn số).

[7] Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Chia cho ông Tô Quốc Đ quyền sử dụng thửa đất có diện tích đo đạc thực tế 36.348,5m² thuộc vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận (có sơ đồ kèm theo); Buộc ông Đ hoàn trả lại giá trị tài sản cho vợ chồng bà Tô Thị Viễn C và ông Mai Thanh H số tiền 689.415.000 đồng liên quan đến thừa kế và 916.312.000 đồng giá trị tài sản trên đất, tổng cộng thành 1.605.727.000 đồng; trả cho bà Tô Thị Tuyết T (Ngo Kim H1), ông Tô Thiện T1, bà Tô Thị Tuyết T2, bà Tô Thị Tuyết K, ông Tô Quốc T3, mỗi người 387.796.000 đồng là có căn cứ. Ngoài ra, ông Đ được công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đang tranh chấp, sau khi hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác, nhưng tại mục [1.3] phần quyết định của bản án sơ thẩm chỉ tuyên “*Ông Tô Quốc Đ có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là chưa đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh phần quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung này để đảm bảo cho quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[8] Ông Đ yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp, vì cho rằng tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì chứng thẩm định giá của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 đã hết hiệu lực. Xét, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tất cả các bên đương sự đều thống nhất, đồng ý với kết quả định giá của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4; Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày giá trị di sản thừa kế đã có sự thay đổi so với thời điểm định giá nhưng không có chứng cứ, chứng minh. Đối với nội dung kháng cáo về việc không đồng ý tính công sức đóng góp cho bị đơn, và buộc bị đơn phải giao lại phần đất trồng thì Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định làm rõ là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đương sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

I/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tô Quốc Đ;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, nhưng có điều chỉnh phần quyết định.

Áp dụng Điều 655 và Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 616, Điều 618, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị B (nay là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ B):

1.1/Xác định người thừa kế theo pháp luật của Cụ Tô Văn K1 và Cụ Nguyễn Thị B gồm: bà Tô Thị Tuyết T, sinh năm 1968 (tên trong hộ chiếu: Ngo Kim H1, số hộ chiếu: 508134383); ông Tô Thiện T1, sinh năm 1971; bà Tô Thị Tuyết T2, sinh năm 1975; bà Tô Thị Tuyết K, sinh năm 1976; ông Tô Quốc T3, sinh năm 1978; bà Tô Thị Viễn C, sinh năm 1981; ông Tô Quốc Đ, sinh năm 1986.

1.2/Xác định quyền sử dụng thửa đất có diện tích đo đạc thực 36.348,5m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận (có sơ đồ kèm theo), là di sản của Cụ Tô Văn K1 và Cụ Nguyễn Thị B.

1.3/Chia cho ông Tô Quốc Đ được quyền sử dụng đối với thửa đất có diện tích đo đạc thực tế 36.348,5m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc vùng C (L) thuộc thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

1.4/Buộc ông Tô Quốc Đ hoàn trả cho bà Tô Thị Viễn C và ông Mai Thanh H số tiền 1.605.727.000 đồng (một tỷ sáu trăm linh năm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng); Trả cho bà Tô Thị Tuyết T, ông Tô Thiện T1, bà Tô Thị Tuyết T2, bà Tô Thị Tuyết K, ông Tô Quốc T3, mỗi người 387.796.000 đồng (ba trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

Kể từ ngày những người được thi hành án gửi đơn yêu cầu thi hành án trả tiền nếu bị đơn chưa thi hành án trả tiền thì hàng tháng bị đơn phải chịu tiền lãi

theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng thừa kế, ông Tô Quốc Đ có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2/Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Tô Quốc Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000108 ngày 05/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- ND (1);
- BD (2);
- NLQ (6);
- Lưu (10) 24b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu